BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2004 /HVN-TCCB

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2026

V/v: lấy ý kiến dự thảo danh mục vị trí việc làm của Học viện

Kính gửi: Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện.

Thực hiện Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về vị trí việc làm viên chức, Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 19/10/2026 của Ban Tổ chức Trung ương và Công văn số 12159/BNNMT-TCCB ngày 22/10/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Học viện đã dự thảo danh mục vị trí việc làm của Học viện (Phụ lục 1 kèm theo).

Học viện là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2, Quyết định số 5002/QĐ-BNNMT ngày 25/11/2025), nên Giám đốc Học viện quyết định danh mục vị trí việc làm theo điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.

Dự thảo gồm 55 vị trí (Phụ lục 1): 04 vị trí quản lý[1] (Mục A, Phụ lục 1), 24 vị trí chuyên môn (Mục B, Phụ lục 1), nghiệp vụ và 27 vị trí hỗ trợ (Mục C, Phụ lục 1), lấy theo danh mục khung tại Phụ lục I, II, III Nghị định số 232/2026/NĐ-CP. Trong 24 vị trí chuyên môn có 07 vị trí đề xuất bổ sung cho các đơn vị nghiên cứu, dịch vụ, đào tạo nghề và các khoa, viện, trung tâm có phòng thí nghiệm (dòng 49 đến dòng 55 - Mục B, Phụ lục 1). Tên vị trí giữ đúng danh mục khung, không đổi tên, chia, tách, gộp (điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP).

Đối với công việc phục vụ: khoản 2 Điều 4 Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026) quy định *"Công việc phục vụ cho hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc Danh mục vị trí việc làm viên chức, bao gồm: a) Lái xe, bảo vệ; b) Lễ tân, phục vụ; tạp vụ; trông giữ phương tiện; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của đơn vị; c) Công việc phục vụ khác do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định."* Vì vậy, dự thảo không lập vị trí việc làm cho nhóm

---

[1] Điểm a khoản 2 Điều 11 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025 quy định trường đại học, trường đại học có tên gọi là học viện *"có tổ chức bộ máy gồm phòng chức năng, trường thuộc, khoa hoặc đơn vị tương đương (sau đây gọi chung là khoa), bộ môn hoặc đơn vị tương đương không phải là đơn vị hành chính do cơ sở giáo dục đại học tự quyết định thành lập hoặc không thành lập (sau đây gọi chung là bộ môn)"*

công việc này; người làm công việc phục vụ được ký hợp đồng theo khoản 3 Điều 5 Nghị định số 235/2026/NĐ-CP. Người làm việc theo hợp đồng nhưng thực hiện công việc của vị trí việc làm quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ hoặc vị trí việc làm hỗ trợ (khoản 1 Điều 4 Nghị định số 235/2026/NĐ-CP), như văn phòng, phục vụ bộ môn, kế toán, dạy lái xe..., được bố trí theo vị trí việc làm tương ứng trong danh mục; đơn vị ghi rõ họ tên, công việc thực tế tại mục 4 của Phiếu góp ý. Đơn vị có công việc cấp dưỡng, y tế trường học (Phụ lục III Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, STT 36, 37) đề nghị bổ sung tại mục 2 của Phiếu.

Để có danh mục làm căn cứ kê khai biểu mẫu và gửi dữ liệu theo Kế hoạch số 71-KH/BTCTW ngày 21/10/2026 của Ban Tổ chức Trung ương, Học viện đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo thực hiện như sau:

1. Nội dung cho ý kiến

a) Vị trí việc làm áp dụng tại đơn vị: đối chiếu với chức năng, nhiệm vụ và công việc đơn vị đang thực hiện, ghi rõ vị trí còn thiếu hoặc không phù hợp. Vị trí đề nghị bổ sung phải chọn trong danh mục khung của Nghị định số 232/2026/NĐ-CP và ghi số thứ tự trong danh mục khung.

b) Phạm vi bố trí tại đơn vị (cột 4) và bậc nghề nghiệp đề xuất (cột 5) của các vị trí liên quan đến đơn vị.

c) Đối với 07 vị trí đề xuất bổ sung (dòng 49 đến dòng 55 - Mục B Phụ lục 1): Bệnh viện Cây trồng, Trung tâm Giống vật nuôi chất lượng cao, Viện Nghiên cứu Rau quả, Trung tâm Giám định máy và Thiết bị, Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe, Trung tâm Nông nghiệp sinh thái và Đào tạo nghề xác nhận công việc thực tế đơn vị đang làm và văn bản giao nhiệm vụ làm căn cứ.

Các khoa, viện, trung tâm có phòng thí nghiệm xác định viên chức trực tiếp phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm mẫu để bố trí vào vị trí Phân tích thí nghiệm (dòng 51 - Mục B, Phụ lục 1); viên chức chuẩn bị thí nghiệm, thực hành, quản lý thiết bị phòng thí nghiệm bố trí vào vị trí Thiết bị, thí nghiệm (dòng 26 - Mục C, Phụ lục 1).

2. Phổ biến, quán triệt

Thủ trưởng các đơn vị tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể viên chức và người lao động của đơn vị các văn bản: Kết luận số 107-KL/TW ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm trong hệ thống chính trị gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ và quản lý biên chế; Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 19/10/2026 và Kế hoạch số 71-KH/BTCTW ngày 21/10/2026 của Ban Tổ chức Trung ương; Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về vị trí việc làm viên chức; Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 12695/BNV-CCVC ngày 04/11/2026 của Bộ Nội vụ và dự

thảo danh mục vị trí việc làm của Học viện (Phụ lục 1), để viên chức, người lao động nắm rõ mục đích, yêu cầu của việc rà soát vị trí việc làm, cách xác định vị trí việc làm, nhu cầu nhân lực và việc bố trí viên chức, người lao động theo vị trí việc làm.

3. Hình thức và thời hạn gửi ý kiến

Đơn vị ghi ý kiến vào Phiếu góp ý (Phụ lục 2), Thủ trưởng đơn vị ký, gửi bản chụp và bản Word về Ban Tổ chức cán bộ (email: tccb@vnua.edu.vn) trước 17 giờ 00 **ngày** 12 **/11/2026**. Đơn vị thống nhất toàn bộ dự thảo đánh dấu vào ô "Thống nhất" trên Phiếu. Quá thời hạn trên, đơn vị không gửi ý kiến được hiểu là thống nhất với dự thảo.

Ban Tổ chức cán bộ tổng hợp, hoàn thiện danh mục, báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, quyết định.

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thực hiện đúng thời hạn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các Phó Giám đốc (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan

Phụ lục 1

DỰ THẢO DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

CỦA HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

(Kèm theo Công văn số 2004 /HVN-TCCB ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

TT	STT theo Nghị định 232, mã	Tên vị trí việc làm (danh mục khung)	Phạm vi bố trí tại Học viện	Bậc đề xuất
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
A	**VIÊN CHỨC QUẢN LÝ**			
I	***Vị trí quản lý Học viện***			
1	PL I - STT 1 BNNMT-VNUA.VTVL-QL01	Người đứng đầu và tương đương của đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)	Giám đốc Học viện.	Không có bậc quản lý riêng; giữ bậc của vị trí chuyên môn hoặc hỗ trợ theo khoản 4 Điều 7
2	PL I - STT 2 BNNMT-VNUA.VTVL-QL02	Cấp phó người đứng đầu và tương đương của ĐVSNCL	Phó Giám đốc Học viện; không tách vị trí theo lĩnh vực phụ trách.	Không có bậc quản lý riêng; giữ bậc của vị trí chuyên môn hoặc hỗ trợ theo khoản 4 Điều 7
II	***Vị trí quản lý đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện (cấp 2)***			
3	PL I - STT 3 BNNMT-VNUA.VTVL-QL03	Trưởng ban, Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng trung tâm, Trưởng chi nhánh, Trưởng phân hiệu, Trưởng khu vực và tương đương của ĐVSNCL	Cấp trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện (cấp 2): Trưởng ban, Trưởng khoa, Chánh Văn phòng, Viện trưởng/Giám đốc viện, Giám đốc trung tâm, Trạm trưởng và chức danh tương đương được quyết định hợp pháp; Hiệu trưởng Trường Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ Nông nghiệp và Môi trường; lãnh đạo Nhà xuất bản theo chức danh được phê duyệt.	Không có bậc quản lý riêng; giữ bậc của vị trí chuyên môn hoặc hỗ trợ theo khoản 4 Điều 7
4	PL I - STT 4 BNNMT-VNUA.VTVL-QL04	Phó trưởng ban, Phó trưởng phòng, Phó trưởng khoa, Phó trưởng trung tâm, Phó trưởng chi nhánh, Phó trưởng phân hiệu, Phó trưởng khu vực và tương đương của ĐVSNCL	Cấp phó đơn vị cấp 2 tại dòng 3, theo quyết định tổ chức và bổ nhiệm.	Không có bậc quản lý riêng; giữ bậc của vị trí chuyên môn hoặc hỗ trợ theo khoản 4 Điều 7
B	**VIÊN CHỨC CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**			

TT	STT theo Nghị định 232, mã	Tên vị trí việc làm (danh mục khung)	Phạm vi bố trí tại Học viện	Bậc đề xuất
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
5	PL II - STT 76 BNNMT-VNUA.VTVL-CM01	Giảng viên đại học (gồm: Giảng viên, Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp, Giáo sư, Phó Giáo sư)	Các khoa, Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao và đơn vị thực hiện giảng dạy đại học. Xếp bậc theo tiêu chuẩn của từng bậc trong cùng vị trí việc làm.	Bậc 3, 4, 5
6	PL II - STT 54 BNNMT-VNUA.VTVL-CM02	Nghiên cứu viên	Các viện, trung tâm, phòng thí nghiệm và đơn vị nghiên cứu; gồm Viện Nghiên cứu Rau quả, Trung tâm Giám định máy và Thiết bị theo chức năng được giao.	Bậc 3 đến bậc 5
7	PL II - STT 79 BNNMT-VNUA.VTVL-CM03	Quản lý đào tạo	Ban Quản lý đào tạo và đơn vị được giao quản lý đào tạo đại học, sau đại học; tách với hành chính lớp bồi dưỡng.	Bậc 3 đến bậc 4
8	PL II - STT 80 BNNMT-VNUA.VTVL-CM04	Quản lý chất lượng giáo dục	Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế, bộ phận bảo đảm/kiểm định chất lượng được giao nhiệm vụ.	Bậc 3 đến bậc 4
9	PL II - STT 65 BNNMT-VNUA.VTVL-CM05	Quản lý khoa học, công nghệ	Ban Khoa học và Công nghệ, bộ phận quản lý khoa học tại viện/trung tâm; nội dung chuyên môn của Học viện.	Bậc 3 đến bậc 4
10	PL II - STT 63 BNNMT-VNUA.VTVL-CM06	Đổi mới sáng tạo	Trung tâm Nghiên cứu xuất sắc và Đổi mới sáng tạo, đơn vị thực hiện đổi mới sáng tạo.	Bậc 3 đến bậc 4
11	PL II - STT 64 BNNMT-VNUA.VTVL-CM07	Sở hữu trí tuệ	Phần việc sở hữu trí tuệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu do đơn vị được giao thực hiện.	Bậc 1 đến bậc 4
12	PL II - STT 113 BNNMT-VNUA.VTVL-CM08	Biên tập viên	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, Tạp chí tại Ban Khoa học và Công nghệ.	Bậc 3 đến bậc 4
13	PL II - STT 103 BNNMT-VNUA.VTVL-CM09	Thư viện viên	Trung tâm Thông tin Thư viện Lương Định Của.	Bậc 2 đến bậc 4
14	PL II - STT 81 BNNMT-VNUA.VTVL-CM10	Bác sĩ	Trạm Y tế; khám, chữa bệnh trong phạm vi giấy phép và phân công.	Bậc 3 đến bậc 4
15	PL II - STT 84 BNNMT-VNUA.VTVL-CM11	Dược	Trạm Y tế; công việc dược theo tiêu chuẩn và phạm vi chuyên môn.	Bậc 2 đến bậc 3

TT	STT theo Nghị định 232, mã	Tên vị trí việc làm (danh mục khung)	Phạm vi bố trí tại Học viện	Bậc đề xuất
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
16	PL II - STT 86 BNNMT-VNUA.VTVL-CM12	Điều dưỡng	Trạm Y tế; công việc điều dưỡng theo phân công.	Bậc 2 đến bậc 3
17	PL II - STT 55 BNNMT-VNUA.VTVL-CM13	Kỹ sư	Các viện, trung tâm, phòng thí nghiệm và đơn vị thực hiện công việc kỹ sư; không thay bằng tên hỗ trợ "Kỹ thuật".	Bậc 3, 4
18	PL II - STT 83 BNNMT-VNUA.VTVL-CM14	Y sĩ	Phần việc y sĩ tại đơn vị có tổ chức hoạt động y tế; kiểm tra điều kiện hành nghề.	Bậc 1, 2
19	PL II - STT 85 BNNMT-VNUA.VTVL-CM15	Y tế công cộng	Trạm Y tế; phần việc y tế công cộng được phân công.	Bậc 3
20	PL II - STT 77 BNNMT-VNUA.VTVL-CM16	Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng (gồm: Giảng viên, Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp, Giáo sư, Phó Giáo sư)	Trường Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ Nông nghiệp và Môi trường và đơn vị có chức năng giảng dạy bồi dưỡng.	Bậc 3, 4, 5
21	PL II - STT 50 BNNMT-VNUA.VTVL-CM17	Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe; hoạt động đào tạo lái xe có đủ điều kiện.	Bậc 3, 4
49	PL II - STT 16 BNNMT-VNUA.VTVL-CM18	Bảo vệ thực vật *(đề xuất bổ sung)*	Bệnh viện Cây trồng; đơn vị có nhiệm vụ chẩn đoán, tư vấn dịch hại cây trồng được giao.	Bậc 3, Bậc 4
50	PL II - STT 31 BNNMT-VNUA.VTVL-CM19	Kỹ thuật giống cây trồng, vật nuôi *(đề xuất bổ sung)*	Trung tâm Giống vật nuôi chất lượng cao; bộ phận sản xuất giống của đơn vị khác khi được giao (chờ xác nhận).	Bậc 2, Bậc 3, Bậc 4
51	PL II - STT 40 BNNMT-VNUA.VTVL-CM20	Phân tích thí nghiệm *(đề xuất bổ sung)*	Các khoa, viện, trung tâm có phòng thí nghiệm (viên chức trực tiếp phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm mẫu phục vụ đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ).	Bậc 2, Bậc 3, Bậc 4
52	PL II - STT 14 BNNMT-VNUA.VTVL-CM21	Khuyến nông *(đề xuất bổ sung)*	Viện Nghiên cứu Rau quả; đơn vị có nhiệm vụ khuyến nông được giao.	Bậc 3, Bậc 4
53	PL II - STT 58 BNNMT-VNUA.VTVL-CM22	Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy *(đề xuất bổ sung)*	Trung tâm Giám định máy và Thiết bị.	Bậc 3, Bậc 4
54	PL II - STT 73	Giáo viên trung cấp *(đề xuất bổ sung)*	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe và các đơn	Bậc 3, Bậc 4

TT	STT theo Nghị định 232, mã	Tên vị trí việc làm (danh mục khung)	Phạm vi bố trí tại Học viện	Bậc đề xuất
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	BNNMT-VNUA.VTVL-CM23		vị (khi có đăng ký hoạt động trình độ trung cấp).	
55	PL II - STT 72 BNNMT-VNUA.VTVL-CM24	Giáo viên sơ cấp *(đề xuất bổ sung)*	Trung tâm Dạy nghề Cơ Điện và Đào tạo lái xe; Trung tâm Nông nghiệp sinh thái và Đào tạo nghề và các đơn vị.	Bậc 3, Bậc 4
C	**VIÊN CHỨC HỖ TRỢ**			
22	PL III - STT 33 BNNMT-VNUA.VTVL-HT01	Quản lý học sinh, sinh viên	Ban Công tác sinh viên, ký túc xá và đơn vị được giao quản lý người học.	Bậc 3 đến bậc 4
23	PL III - STT 26 BNNMT-VNUA.VTVL-HT02	Tư vấn học sinh, sinh viên	Phần tư vấn người học tại Ban Công tác sinh viên và đơn vị được giao.	Bậc 3 đến bậc 4
24	PL III - STT 32 BNNMT-VNUA.VTVL-HT03	Quản lý đào tạo, bồi dưỡng	Trường Đào tạo, bồi dưỡng; các trung tâm quản lý lớp, khóa bồi dưỡng.	Bậc 3 đến bậc 4
25	PL III - STT 28 BNNMT-VNUA.VTVL-HT04	Giáo vụ	Văn phòng khoa, bộ phận giáo vụ tại đơn vị đào tạo.	Bậc 2 đến bậc 3
26	PL III - STT 29 BNNMT-VNUA.VTVL-HT05	Thiết bị, thí nghiệm	Bộ phận quản lý, phục vụ thiết bị và thí nghiệm tại các đơn vị: chuẩn bị thí nghiệm, thực hành; quản lý, vận hành, bảo quản thiết bị phòng thí nghiệm (không gồm phân tích, kiểm nghiệm mẫu).	Bậc 2 đến bậc 3
27	PL III - STT 30 BNNMT-VNUA.VTVL-HT06	Trợ giảng	Đơn vị đào tạo có giao nhiệm vụ trợ giảng.	Bậc 3 đến bậc 4
28	PL III - STT 31 BNNMT-VNUA.VTVL-HT07	Nhân sự hỗ trợ giảng dạy	Đơn vị đào tạo có nhân sự thực hiện hỗ trợ giảng dạy.	Bậc 3
29	PL III - STT 35 BNNMT-VNUA.VTVL-HT08	Hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục	Đơn vị thực hiện hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục.	Bậc 2 đến bậc 3
30	PL III - STT 34 BNNMT-VNUA.VTVL-HT09	Kết nối doanh nghiệp	Trung tâm Cung ứng nguồn nhân lực, Ban Quan hệ công chúng và đơn vị được giao kết nối doanh nghiệp.	Bậc 3 đến bậc 4
31	PL III - STT 43 BNNMT-VNUA.VTVL-HT10	Hợp tác, hội nhập quốc tế	Ban Hợp tác quốc tế và bộ phận hỗ trợ hợp tác, hội nhập tại các đơn vị.	Bậc 3 đến bậc 4

TT	STT theo Nghị định 232, mã	Tên vị trí việc làm (danh mục khung)	Phạm vi bố trí tại Học viện	Bậc đề xuất
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
32	PL III - STT 44 BNNMT-VNUA.VTVL-HT11	Pháp chế	Tổ Pháp chế, Ban Đảm bảo chất lượng và Pháp chế và đơn vị được giao.	Bậc 3 đến bậc 4
33	PL III - STT 45 BNNMT-VNUA.VTVL-HT12	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	Ban Tổ chức cán bộ và phần việc tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng tại đơn vị.	Bậc 3 đến bậc 4
34	PL III - STT 47 BNNMT-VNUA.VTVL-HT13	Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Đơn vị, cá nhân được giao tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	Bậc 3 đến bậc 4
35	PL III - STT 48 BNNMT-VNUA.VTVL-HT14	Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí	Đơn vị, cá nhân được giao phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.	Bậc 3 đến bậc 4
36	PL III - STT 49 BNNMT-VNUA.VTVL-HT15	Hành chính - Tổng hợp	Văn phòng Học viện, văn phòng đơn vị, bộ phận hành chính tổng hợp.	Bậc 2 đến bậc 4
37	PL III - STT 50 BNNMT-VNUA.VTVL-HT16	Quản trị công sở	Ban Cơ sở vật chất và Đầu tư, Trung tâm Dịch vụ trường học, bộ phận quản trị.	Bậc 2 đến bậc 4
38	PL III - STT 51 BNNMT-VNUA.VTVL-HT17	Truyền thông	Ban Quan hệ công chúng và đơn vị được giao truyền thông.	Bậc 2 đến bậc 4
39	PL III - STT 52 BNNMT-VNUA.VTVL-HT18	Kế hoạch, đầu tư	Ban Cơ sở vật chất và Đầu tư và phần việc kế hoạch, đầu tư của Học viện.	Bậc 3 đến bậc 4
40	PL III - STT 53 BNNMT-VNUA.VTVL-HT19	Thống kê	Văn phòng Học viện, Đơn vị được giao thống kê, tổng hợp dữ liệu và báo cáo.	Bậc 3 đến bậc 4
41	PL III - STT 54 BNNMT-VNUA.VTVL-HT20	Tài chính	Ban Tài chính và Kế toán; Kế toán và phần việc tài chính tại đơn vị.	Bậc 3 đến bậc 4
42	PL III - STT 55 BNNMT-VNUA.VTVL-HT21	Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán)	Ban Tài chính và Kế toán; Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán được bổ nhiệm/giao phụ trách hợp pháp.	Không xác định bậc riêng; giữ bậc chuyên môn, hỗ trợ đang giữ
43	PL III - STT 56 BNNMT-VNUA.VTVL-HT22	Kế toán	Ban Tài chính, Kế toán và bộ phận kế toán các đơn vị.	Bậc 1 đến bậc 4
44	PL III - STT 57 BNNMT-VNUA.VTVL-HT23	Thủ quỹ	Ban Tài chính, Kế toán; Người được giao thủ quỹ tại các đơn vị có phát sinh.	Bậc 1 đến bậc 3

TT	STT theo Nghị định 232, mã	Tên vị trí việc làm (danh mục khung)	Phạm vi bố trí tại Học viện	Bậc đề xuất
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
45	PL III - STT 58 BNNMT-VNUA.VTVL-HT24	Văn thư	Văn phòng Học viện và bộ phận văn thư được giao nhiệm vụ.	Bậc 1 đến bậc 3
46	PL III - STT 59 BNNMT-VNUA.VTVL-HT25	Lưu trữ	Văn phòng Học viện, bộ phận lưu trữ nội bộ.	Bậc 1 đến bậc 3
47	PL III - STT 61 BNNMT-VNUA.VTVL-HT26	Kỹ thuật	Ban Cơ sở vật chất và Đầu tư (hệ thống điện, nước); Văn phòng Học viện (kỹ thuật điện); Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao (điện, máy móc, thiết bị tập luyện); Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp (máy móc in ấn, xuất bản); Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế (thiết bị hỗ trợ đào tạo); Trung tâm Dịch vụ trường học. Đây là công việc của vị trí việc làm hỗ trợ (điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị định số 235/2026/NĐ-CP).	Bậc 1 đến bậc 3
48	PL III - STT 46 BNNMT-VNUA.VTVL-HT27	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Ban Cơ sở vật chất và Đầu tư, Tổ Quản trị mạng, đơn vị thực hiện CNTT và chuyển đổi số phục vụ quản trị Học viện.	Bậc 1 đến bậc 4

Ghi chú: Đơn vị có tên tại cột (4) xác nhận theo điểm c mục 1 Công văn. Thứ tự dòng giữ theo dự thảo để thống nhất khi tổng hợp ý kiến.

Phụ lục 2

PHIẾU GÓP Ý DỰ THẢO DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Công văn số 2004 /HVN-TCCB ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Tên đơn vị: .....

[ ] Thống nhất toàn bộ dự thảo, không có ý kiến khác.

[ ] Có ý kiến (ghi tại các mục 1 đến 4 của Phiếu này).

1. Ý kiến về vị trí trong dự thảo

TT (Phụ lục 1)	Tên vị trí	Nội dung đề nghị (phạm vi bố trí, bậc, không áp dụng tại đơn vị…)	Lý do, căn cứ

2. Vị trí đề nghị bổ sung (chọn trong danh mục khung Nghị định số 232/2026/NĐ-CP)

STT trong Phụ lục I, II, III Nghị định	Tên vị trí theo danh mục khung Nghị định	Công việc tại đơn vị, văn bản giao nhiệm vụ	Bậc đề xuất

3. Xác nhận của đơn vị có vị trí đề xuất bổ sung (dòng 49 đến dòng 55; khoa, viện, trung tâm có phòng thí nghiệm ghi dòng 51, dòng 26 và tương ứng họ tên viên chức trực tiếp phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm mẫu; chuẩn bị thí nghiệm, thực hành, quản lý thiết bị phòng thí nghiệm bố trí vào vị trí Thiết bị, thí nghiệm)

TT (Phụ lục 1)	Tên vị trí	Công việc thực tế đơn vị đang làm	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày)

TT (Phụ lục 1)	Tên vị trí	Công việc thực tế đơn vị đang làm	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày)

4. Ý kiến khác

.....

.....

……, ngày …… tháng 11 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)